

GIẢI VỀ KIẾP

(KAPPA KATHĀ)

Nói về Thành kiếp, Hoại kiếp và Lửa cháy kiếp v.v...

Hòa thượng GIỚI NGHIÊM THITASĪLO

LỜI TỰA

Trong khi nhân loại trầm, thì các đạo giáo phải thăng. Do đó Phật giáo khắp năm châu cũng vương mình lên bằng một cách tự động, tự cường, không dựa vào sức mạnh chính trị hoặc vũ lực nào; hơn nữa Phật giáo chẳng bao giờ đem tiền tài ra mua chuộc ai cả. Trái lại, làn sóng Phật giáo đang tiến rất cao và lãnh một phần trách nhiệm tối trọng về sự cứu khổ hoặc diệt khổ cho nhân loại. Song vai trò ấy muốn được thực hiện đầy đủ chỉ cần một điều là khi nào toàn cả nhân loại nhận thức rõ rệt sự tồn vong tiến thối trong kiếp sống hằng ngày. Với cảm nghĩ rằng: văn minh vật chất Âu Mỹ đã đến thời kỹ nghệ hóa cực thịnh, sáng chế ra nhiều đồ đạc tối tân, khiến cho bao người trên hoàn vũ ưa chuộng và tận tụy hy sinh để mưu cầu, song song với sự ham thích. Cơ khí hóa lại còn đem đến cho nhân loại lắm nỗi đe dọa rất rùng rợn đó là nguyên tử, khinh khí, hỏa tiễn v.v... Tóm lại con người ở giữa bị dày xéo nặng nề, bởi bên này vật chất cám dỗ, đằng kia bị vật chất hiểm họa.

Than ôi! Tinh thần nhân loại phải bối rối, mình và người cả một đám bối rối, khi toàn xã hội đang mơ màng trong giấc mộng vừa lòng và trái ý đối với tài tình, danh lợi, đèn đuốc

không còn chút lương tâm hoặc đạo đức cá nhân, buộc lòng các xã hội phải tạo thêm nhiều tụng đình, ngục thất v.v...

May mắn thay! Nhờ có các nhà đạo tâm trí thức, đã cảm thông cả hai phương diện là:

Văn minh cơ khí sẽ đem con người đến chỗ đắm say tội lỗi trong vòng sanh tử luân hồi.

Văn minh đạo đức sẽ đem cho con người đến chỗ tiến hóa, tạo cho họ những đức tánh, giảm bớt hoặc diệt hẳn tham, sân, si, không mê đời và không làm khổ cho đời, trái lại gọi nhuần từ bi, hỷ xả đến mọi loài.

Thật vậy, các nhà đạo tâm sau khi thông cảm rồi cố gắng xây đắp bảo tháp và chánh điện Tam Bảo. Tự đây cũng như các ngôi tháp hoặc chùa trên khắp thế giới.

Ngược lại giòng lịch sử, lúc đức Thế Tôn còn hiện tiền, vua Tần Bà Sa dâng chùa Trúc Lâm (Veluvana), ông bá hộ Cấp Cô Độc dâng chùa Kỳ Viên (Jetavana), đây là những trụ sở chính đào tạo con người hung tàn, bạo ngược trở nên nhân vật hiền lương, đức hạnh, người phạm đắc thành thánh nhân. Cụ thể như: Thành Xá Vệ (Savatthi) tổng số dân cư 70 triệu đắc quả thánh hơn hết 50 triệu, còn lại 20 triệu, đa số cũng nhờ ảnh hưởng tốt do Phật an ngự trước sau kể cả là 25 hạ tại Kỳ Viên Tịnh xá, hầu hết nhiệt thành tín mộ, qui y Tam Bảo, chung hưởng một đời sống hạnh phúc. Luôn cả vua A Dục bên Ấn Độ, cũng như các nhà vua nhà Lý, nhà Trần xưa, đã đem Phật pháp phổ hóa cho muôn dân, khiến cả vua tôi chung hưởng cảnh thái bình thịnh trị.

Hạnh phúc thay cho nhân loại khi thấy một ngôi chùa tu đúng chánh pháp được xây cất, sẽ giảm đi ít nhiều những nhà hòa giải, nhà cải hối v.v...

Lợi lộc rất nhiều cho chúng sanh, vì chùa là cơ sở biểu dương chân lý, cũng là nơi đào luyện cán bộ đặc lực để phục vụ nhân loại sống theo đúng chơn lý vậy.

*

LỜI HỒI HƯỚNG

Pháp thí có quả báo thắng tất cả sự thí, tôi xin thành tâm hồi hướng đến các bậc ân nhân nhất là:

Cha mẹ - Thầy tổ - Quốc chủ - Chúng sanh.

Đồng tâm hoan hỷ, thọ hưởng phước báu này.

Mong thay!

Tỳ khuru GIỚI NGHIÊM

THITASĪLO BHIKKHU

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDDHASSA

GIẢI VỀ KIẾP
(KAPPAKATHĀ)

PHƯƠNG PHÁP THƯỜNG TRỰC SANH MẠNG

Để được thâm nhiếp tâm đừng cho sa ngã vào trong hành vi ô trược, nên quán niệm đến điều tai hại là sự tiêu hoại cõi đời, kể như cái nhà, như cái hang hoặc như cái vực sâu của chúng ta phải sanh, phải nương gá, không thể trốn tránh khỏi điều tai hại ấy được.

Lẽ thường người ở trong cái nhà cửa khóa gài chắc chắn, rồi dễ dui không nghĩ ngợi gì đến điều tai hại, chỉ tính việc ngủ cho đã, lơ đãng bỏ mất chìa khoá, đến khi bị lửa cháy nhà, bỗng nhiên khiếp sợ rung rẩy mất hồn, chạy la kêu và chịu sự khổ nặng nề, cho đến khi bị thiêu đốt cháy tiêu toái trong đồng lửa ấy. Có ý nghĩa ví dụ thế nào? Tất cả chúng sanh trong thế gian, đang mê sa đàng trí theo mọi trần cảnh, chẳng hề nghĩ tưởng gì về điều tai hại thường trực của sanh mạng, chỉ tính việc vui chơi thái quá, sai với hành trình của bậc trí thức, cũng như thế ấy.

Lẽ thường các hàng trí tuệ là những người có trí lực, thường lo thực hành trước khi dứt sanh mạng, hằng lo kiếm phương pháp, dựng lán xa điều tai hại thường trực của sanh mạng luôn khi, không thả trôi cho sanh mạng luống qua và chạm phải tai hại ấy đâu.

Phương pháp để lánh khỏi điều tai hại ấy chỉ có một pháp thôi là: **THANH HẠNH PHÁP** (Sucarita Dhamma).

Thân thanh hạnh là:

- Không lẩn hiếp và sát sanh hại mạng của mình hoặc chúng sanh khác.
- Không trộm cắp tài sản của người.
- Không gian đoạt vợ, chồng, con của kẻ khác.

Khẩu thanh hạnh là:

- Nói lời chơn thật, không giả dối.
- Nói lời hòa nhã, không đâm thọc.
- Nói lời hiền lành, không chưởi rửa, mắng nhiếc.
- Nói lời hữu ích và không uống rượu.

Ý thanh hạnh là:

- Không tham lam san đoạt của người đem về phần mình.
- Không mưu thù hủy hại kẻ khác.
- Không hiểu sai chân lý, là biết tin cái nghiệp và quả của nghiệp v.v...

Nếu kẻ nào có pháp Sucarita này rồi, thì người ấy sẽ thành bậc trí thức, có tri kiến tốt, không để cho sanh mạng vấp phải điều tai hại vậy.

Nói về điều tai hại vẫn tất có hai cách:

- Tai hại không cố định thời.
- Tai hại phải cố định thời.

Tai hại không cố định thời là nói đến sự tai hại của chúng sanh trong hiện tại này. Trong mỗi quốc độ, xóm, làng chung sống cùng nhau, song chúng sanh có kẻ bị tai hại, có kẻ an vui tiên hóa, có khi ngày, tháng, năm nay kẻ kia bị tai hại, trái lại ngày, tháng, năm kia chúng sanh này có sự tai hại, v.v... không quyết định thì giờ, không quyết định chúng sanh, như thế gọi là tai hại không cố định thời.

Tai hại cố định thời la nói về tai hại thường trực tuổi thọ quả đất, lâu lắm mới có một lần; sự tai hại này vô cùng to lớn, nên cổ nhân hằng nói rằng: "Phát khởi điều tiêu hoại, lửa cháy nước, cháy đất, cháy hoại kiếp (*kappa*)". Trong khi lửa cháy *kappa* ấy, tất cả chúng sanh ở trên quả địa cầu này bao nhiêu và ở trên sáu tầng trời Dục Giới, luôn đến sắc giới gần Tịnh Cư thiên (*Suddhāvāsa*), đều phải chịu điều tai hại ấy cả.

Đặc biệt chúng sanh nào dễ duôi không lưu tâm với pháp *Sucarita*, trong lúc ấy, theo lẽ thường thiện ác nghiệp và *Sankhara* phải chia chẻ phân biệt chúng sanh ra, nghĩa là chúng sanh nào tham lam, hành động ác nghiệp, chúng sanh đó bị hạp thọ sanh trong thời kỳ ấy.

Chúng sanh nào hành động thiện pháp đứng đắn tốt đẹp, chúng sanh ấy được đi sanh trong chỗ thái bình an lạc, nhất là được sanh trong cõi Tịnh Cư Phạm Thiên v.v... chẳng bị lẫn lộn sanh chung với các chúng sanh đã tạo ác nghiệp đó đâu.

Như thế gọi là điều tai hại cố định thời.

Sự tai hại này càng tiến gần lại rồi, bởi vì mảnh đất mà ta và mọi người nương gá hằng ngày đây, có tên theo tuổi thọ là tiến hóa kiếp (*bhadda kappa*), được 5 vị Phật tổ ra đời trong một thời khoảng của tuổi thọ trái đất này, nay đã Niết Bàn mất 4 vị rồi là:

- Đức Phật Câu Lu Tôn (*Kakusandho*)
- Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni (*Konāgamano*)
- Đức Phật Ka Diếp (*Kaksapo*)
- Đức Phật Cồ Đàm (*Gotamo*)

Chỉ còn có 1 vị Phật tổ nữa là đức Di Lặc (*Ariya metreyya*) thôi, khi ấy thì đến thời kỳ lửa sẽ cháy *kappa* và chúng sanh sẽ bị tai hại.

Tiếng gọi là kappa và vấn đề lửa cháy kappa ấy sẽ giải như sau đây:

GIẢI VỀ TIẾNG KAPPA

Khoảng thời gian trụ rất lâu gọi là *kappa* (kiếp), là tên của tuổi thọ trái đất, hoặc là tên tuổi thọ cõi không gian (*okāsa loka*).

Tiếng gọi là không gian ấy trong bộ kinh Visuddhi magga (Thanh Tịnh Đạo) giải rằng: đặc chỉ về chỗ ở của chúng sanh, hằng có sự tiêu hại là thường.

Trong cõi không gian đó có nhiều cõi sa bà thế giới (*cakkavāla*).

Cõi sa bà ta đang ở này có bề ngang và bề dọc đến một triệu hai ức ba ngàn bốn trăm năm chục do tuần (1.203.450 do tuần).

Bề chu vi đến ba triệu sáu ức một vạn ba trăm năm chục do tuần (3.610.350 do tuần).

Bề dài trái đất trong sa bà thế giới này chừng hai ức bốn vạn do tuần (240.000 do tuần).

Nước nâng đỡ trái đất dày đến bốn ức tám vạn do tuần (480.000 do tuần).

Có quả núi gọi là Tu Di sơn (*Sineru*), chân ăn sâu xuống trong biển đến tám muôn bốn ngàn do tuần (84.000 do tuần) chót núi cao lên cũng tám vạn bốn ngàn do tuần giống nhau.

Kê cận núi Tu Di sơn ấy lại có Thất Trùng sơn (*Satta Paribhaṇḍa*) nữa là:

1. Núi Yugandhara cao 42.000 do tuần.
2. Núi Isindhara cao 21.000 do tuần.
3. Núi Karavīka cao 10.500 do tuần.
4. Núi Sudassana cao 5.250 do tuần.

5. Núi Nemindhara cao 2.625 do tuần.
6. Núi Vinataka cao 1.312 do tuần.
7. Núi Assakaṇṇa cao 656 do tuần.

Cả Thất Trùng sơn này toàn là núi kết thành bằng bảo vật (*ratana*), nhất là vàng, bạc v.v... có chân ăn sâu vào dưới biển cũng đồng như trên vậy, ở bọc quanh núi Tu Di, cách khoảng xa nhau cũng bằng với bề cao của các núi ấy. Nơi khoảng cách những núi ấy toàn là biển gọi tên là Sīdantara.

Cả bảy lớp núi này là nơi trú của Tứ Đại Thiên Vương:

1. Dhata Raṭṭha
2. Virūpakkha
3. Virullahaka.
4. Kuvera.

Và là nơi trú, nơi đi lại của chư thiên, và dạ xoa. Chẳng phải trình độ của người thường đi đến và xem thấy hoặc nghĩ ngợi được đâu, chỉ có Đức Phật và các vị A la hán mới đi đến và xem thấy biết rõ đầy đủ.

Núi lớn Sineru, có ba hòn núi lớn đỡ phía dưới, gọi là núi Trayakuṭa.

Phía trên đỉnh núi Tu Di sơn là địa phận của đức vua trời Đê Thích (*Sakka*), gọi là cõi trời Đao Lợi, kế phía trên là cõi Dạ Ma, Đâu Suất Đà, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại. Tất cả các cõi này là nơi trú của chư thiên, chẳng phải chỗ ở của loài người đâu. Kế phía trên các cõi trời nữa là cõi của chư Phạm Thiên Hữu sắc và Phạm Thiên Vô sắc.

Phạm Thiên Hữu sắc có 16 tuần là:

1. Phạm Chúng thiên.
2. Phạm Phụ thiên.
3. Đại Phạm thiên.
4. Thiểu Quan thiên.

5. Vô Lượng quang thiên.
6. Quang Âm thiên.
7. Thiếu Tịnh thiên.
8. Vô Lượng tịnh thiên.
9. Biến tịnh thiên.
10. Quảng quả thiên.
11. Vô Tướng thiên.
12. Vô Phiền thiên.
13. Vô Nhiệt thiên.
14. Thiện Hiện thiên.
15. Thiện Kiến thiên.
16. Vô thiếu thiên.

Phạm thiên vô sắc có bốn tầng là:

1. Không Vô Biên Xứ thiên.
2. Thức Vô Biên Xứ thiên.
3. Vô Sở Hữu Xứ thiên.
4. Phi Tướng Phi Phi tướng thiên.

Cõi trời Phi Tướng phi phi tướng xứ này là nơi cao nhất hơn cả của Tam Giới, trong cõi hư không thế giới, khoảng cách xa cõi cuối cùng Tam Giới ấy xuống đến cõi người này không thể đếm được bao nhiêu do tuần cả.

Trong bộ kinh Loka Dīpaka có giảng giải so sánh rằng: Sabba bhavaggo thatvaca kutāgarasamāsālā pātītā tīhi vassedhivimā māsehi ca atthahi rattindivehi v.v... Nghĩa là: Chư thiên có thần lực nhiều, ở trong cõi cuối cùng (của Tam Giới) thả một tảng đá to bằng cái nhà cho rơi xuống tới cõi người mất một thời gian rất lâu chừng ba năm hai tháng tám ngày và 14 phút mới đến cõi người, cục đá ấy chỉ là chạm bởi gió, mà mòn hết chỉ còn dư lại bằng trái cam thối.

Kế sau đây chỉ giảng giải theo bộ kinh Visuddhi magga như vậy: Theo sự chỉ dẫn rằng: Núi Tu Di (*Sineru*) ở giữa cõi Sa

bà, núi Thất Trùng sơn bao quanh núi Sineru, phía bên ngoài núi Thất Trùng sơn ấy, toàn là nước cả thủy, trong bốn hướng có Tứ Đại châu cách xa hẳn với núi ấy.

TỨ ĐẠI CHÂU

1. Jambūdvīpa: Nam Thiện Bộ châu, ở phía Nam núi Tu Di, có cây Jambū (cây trám) thường trực của cõi, người trong châu ấy nuôi mạng bằng nông nghiệp, thương nghiệp v.v... phụ nữ thụ thai phải 9 hoặc 10 tháng mới sanh ra con trai, con gái.

2. Uttara kurudvīpa: Bắc Câu Lư châu, ở phía bắc núi Tu Di có cây kappa (Như ý thọ) thường trực của cõi. Người ở trong châu ấy khỏi bận làm nông nghiệp, thương nghiệp v.v... muốn vật chi, muốn ung ăn món gì, thực phẩm cách nào thì đi đến cây kappa thì được như ý nguyện. Phụ nữ thụ thai 7 tháng thì sanh con, hài nhi trai hoặc gái sanh ra 7 ngày là biết đi biết chạy.

3. Aparagoyānīdvīpa: Tây Nguru Hóa châu ở phía tây núi Tu Di có Kadumba (ngọc như ý châu) thường trực của cõi. Người ở trong châu ấy không bận với nghề nghiệp nông tang, bởi vì có viên ngọc làm cho thành tựu như ý.

4. Pūbbavidehadvīpa: Đông Thắng Thần châu ở phía đông núi Tu Di, có cây Sīrīsa thường trực của cõi. Người ở trong châu này không cực nhọc phải làm nông nghiệp, thương nghiệp v.v... bởi vì có một cây tức là cái bảo diện kết thành bằng bảy thứ ngọc, cao 15 do tuần, làm cho thành tựu ý như tất cả ý nguyện của mọi người.

Trong bốn châu ấy, tất cả chư Phật không khi nào giáng sanh ba châu kia, mà chỉ đản sanh trong Nam Thiện Bộ châu thôi, bởi vì cả ba châu ấy là nơi để cho chúng sanh thọ hưởng quả

thanh hạnh pháp, không phải là nơi để tạo thanh hạnh pháp, như Nam châu.

Trong châu Jambu có núi Hy Mã Lạp Sơn (*Himalaya*) cao 500 do tuần, bề ngang và bề dọc tới 3.000 do tuần;

Bề cao, to của Đại Thọ thường trực bốn châu và các cõi như vậy:

- Cây Jambū (cây trầm) trong Nam Thiện Bộ Châu.
- Cây Kappa (cây như ý thọ) trong Bắc Câu Lư châu.
- Cây Kadamba trong Tây Ngu Hó hóa châu.
- Cây Sirīsa trong Đông Thắng Thần châu.
- Cây Paricchitta trên cõi Dao Lợi Thiên.
- Cây Pātalī của nhóm A Tu La.
- Cây Simbalī (cây chông) của Đại Bàng (Garuda).

Tất cả cây đó toàn là đại thọ chúa của loài cây, vẫn sống trọn một kappa (kiếp của trái đất).

Sự to và cao bằng nhau cả, là thân cây chung quanh chừng 15 do tuần, bề dài của cây và bề dài của nhánh chừng 50 do tuần, thế là toàn cây từ gốc đến ngọn 100 do tuần.

Chu vi của bốn châu như vậy:

- Nam Thiện Bộ châu, cõi trời Dao Lợi, cõi A Tu La, cõi địa ngục A Tỳ, chu vi một vạn do tuần giống nhau.
- Tây Ngu Hó hóa châu và Đông Thắng Thần châu, chu vi hai ngàn do tuần.
- Bắc Câu Lư châu, chu vi tám ngàn do tuần.

Cả Tứ Đại châu này mỗi cái đều có 5 trăm châu nhỏ phụ tùng, chung ở trong một cõi sa bà thế giới. Chung quanh cõi sa bà có núi lớn dài bao bọc. Núi ấy mọc chân sâu vào trong biển cả, đến tám vạn hai ngàn do tuần. Cao lên trên cũng 8 vạn 2 ngàn do tuần vậy.

Giải rõ tiếng *Lokadhātu* (Thế giới) và tiếng *Cakkavāla* (Sa bà) là tiếng chỉ khác nghĩa đó thôi nhưng có thể gọi chung là thế giới sa bà.

Trong mỗi một cõi thế giới sa bà, có Tứ Đại châu và 500 châu nhỏ, có một quả núi Tu Di, có Thất Trùng sơn, có 6 tầng trời Dục giới, có 16 tầng Phạm thiên hữu sắc và 4 tầng Phạm thiên vô sắc, có cõi người và cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la, có mặt trời và mặt trăng.

Mặt trời chu vi 50 do tuần, mặt trăng chu vi 49 do tuần, là bảo điện của vị trời Suriya và vị trời Canda. Pháp hành thế gian cấu tạo lên để soi sáng cho cõi đời, theo thường lệ là đi quanh núi Tu Di. Mặt trời trong một ngày một đêm đi quanh một vòng giáp núi Tu Di. Mặt trăng đi một tháng mới giáp một vòng núi Tu Di sơn.

Gồm các vật phụ tùng như đã kể, gọi là một cõi Lokadhātu hoặc Cakkavāla thế giới sa bà ấy có nhiều vô số chẳng phải chỉ có một cõi đâu.

Gồm tất cả cõi thế hoặc sa bà thế giới, gọi là hư không thế giới (*Okāsaloka*).

Hư không thế giới sẽ chia theo quốc độ của Phật thấu triệt nữa như sau đây.

Buddhakkhetta Phật quốc độ có 3 là:

- 1) *Jātikhetta*: Sanh quốc độ, nghĩa là một vị Bồ Tát sắp thành Phật trong kiếp chót, khi giáng sanh vào lòng mẹ, hoặc giờ phút đản sanh ra đời v.v... sẽ do phước đức phi thường của Ngài, khiến cho một vạn cõi sa bà thế giới thầy đều rung động.
- 2) *Ānākhetta*: Oai lực quốc độ, nghĩa là một vị Phật Chánh Đẳng Chánh Giác thuyết về lời cầu nguyện *Ratana paritta*, *Khandha paritta*, *Dhayagga paritta*, *Ātānatiya paritta* và *Mara*

paritta... do năng lực kinh Paritta sẽ có phước đức phi thường tức là lời cầu nguyện của Đức Phật khiến cho một ức koti thế giới sa bà (100 ngàn koti cõi sa bà), thấy đều rung động.

3) Visayakhetta: Trình độ quốc độ, nghĩa là năng lực về trí tuệ của một vị Phật Toàn Giác sẽ chiếu khắp đến vô số sa bà thế giới luôn cả vô hư không thế giới, tuệ giác của Ngài thông suốt chẳng có nơi cùng tận, cần rõ điều gì, nguyên nhân nào, thì hiểu trọn vẹn y như ý nguyện, không bị một vật chi ngăn ngại.

Trong ba Phật quốc độ này trừ điều trình độ quốc độ ra bởi vì theo thường lệ với cái trình độ tuệ giác của mỗi vị Phật tổ.

Riêng về sanh quốc độ và oai lực quốc độ thì có một ức koti cõi sa bà thế giới ấy, là quốc độ của một vị Phật toàn giác, bởi Ngài sẽ hóa độ chúng sanh trong đó.

Cả một ức koti sa bà thế giới ấy, pháp hành của vũ trụ (Sankhāra loka) cấu tạo lên một thời kỳ, an trụ cũng giống nhau, tiến hóa cũng đồng thời với nhau, như có giải trong bộ Thanh Tịnh Đạo ở đoạn Abhinnaiddesa rằng: *Evametesu tisū Buddhakkhattesu ekam anakhattam vinassati. Tasmim̐ pana vinassente jatikke tampi vīnaṭṭha meva hotu. Vinassantañca ekatevavinassanti saṅthahantam pīkato va santhahati. Tassavaṃ vināse ca saṅthahanañca veditabbaṃ.* Nghĩa là trong cả ba Phật quốc độ đó, thì oai lực quốc độ bị hoại, hễ khi oai lực quốc độ bị hoại, thì sanh quốc độ cũng bị hư hoại giống nhau vậy.

Sanh quốc độ, khi hoại cũng đồng hoại với oai lực quốc độ, khi trụ cũng giống như oai lực quốc độ vậy.

Thế là sự trụ kiếp hoặc sự trụ kiếp của jāti khetta và anākhetta, các thức giả nên hiểu như thế ấy.

Ngay nơi Duddhakkhetta này, phần nhiều có ý hiểu khác nhau.

Có kẻ hiểu rằng: Trong cõi hư không thế giới mà có bầu không khí to rộng thênh thang này, chỉ có một ức koti cõi sa bà thế giới thôi. Lâu lâu mới có vị Phật tỏ ra đời, không có luôn luôn mỗi ngày mỗi tháng, mỗi năm đâu, bởi vì không có cõi sa bà thế giới, nhiều hơn con số một ức koti ấy nữa đâu.

Có kẻ khác hiểu rằng: Trong cõi hư không thế giới có bầu không khí to rộng thênh thang này, không phải chỉ có một ức koti cõi sa bà thế giới thôi, nghĩa là có vô số ức koti cõi, kể không hết, có Phật đắc đạo hằng ngày, là nếu trong một ức koti cõi thế này, Đức Phật Niếp Bàn, thì có một ức koti cõi thế họ có Đức Phật đang giác ngộ, một ức koti cõi thế kia có Bồ Tát đang đầu thai (gần thành Phật) hoặc nhiều ức koti cõi thế khác, có các vị Phật đang đắc đạo, đang độ sanh, đang nhập Niết Bàn v.v... lại cũng có một ức koti cõi thế khác đang tiêu hoại, hoặc có một ức koti cõi thế khác đang thời tiến hóa.

Cả hai lẽ hiểu này khỏi phải phân biệt bên nào đúng bên nào trật, chỉ là đem đủ nhân và quả chỉ dẫn giúp cho tri kiến, rồi tùy nơi Phật tử khi xem qua quyển kinh này tự phân biệt lấy, nếu thấy bên nào nói đúng nhân quả hơn thì bên ấy đúng chắc chắn.

GIÚP CHO TRI KIẾN

Phật quốc độ có ba là: Jātikhetta, Ānākhetta, Visayakhetta.

Khetta là tiếng Magadha, nghĩa là: ruộng, tỉnh, vị trí, biên cương, quốc độ, nghĩa là phần cõi đất, phần cõi thế, mà người ta phân chia từng khoảng, có biên giới do ấn định quốc độ hoặc do ấn định thế giới, để phân biệt đừng cho lẫn lộn nhau, bởi vì có nhiều chứ không phải chỉ một cõi.

Phật quốc độ thứ nhất là Jātikhetta chỉ có nhất định một vạn cõi thế. Khi Đức Phật mới đản sanh, thành đạo v.v... ngay trong

cõi thế gian nào, thì trọn một vạn cõi gần đây thầy đều rung động mà thôi, không rung động đến các thế giới khác ngoài số ấy.

Phật quốc độ thứ hai là Ānākhetta, chỉ có nhứt định ức koti cõi thế. Đức Phật thuyết kinh cầu an về Ratana paritta và Khandha parita v.v... trong thế giới nào, thì trọn một ức koti những cõi ấy thầy đều rung động mà thôi, không rung động đến các thế giới khác ngoài số ấy.

Bởi thế nào cho nên Phật quốc độ thứ hai là Ānākhetta có sự nhất định vị trí một ức koti cõi như thế, có nhiều cõi thế hơn số ấy nữa sao? Hay là không có? Nếu không có thì tại sao lại có số nhất định, có biên cương (khetta) mà không nói cả thầy đi một cái cho khỏe. Bởi có Ānākhetta này nói ngay về những cõi thế giới hiện tại, chẳng phải nói đến các thế giới đã qua đâu.

Okāsa loka: Hư không thế giới, cái bầu không khí to rộng thênh thang vô cùng vô tận, kiếm chỗ cuối cùng không thấy. Dù cho Phật tuệ cũng không thấy vậy. Nếu đã to rộng như thế này thì nhiều ức koti thế giới cũng không chật bầu không khí kia được. Cả ba điều này là giúp cho tri kiến, hãy nhận định theo cách này đi.

Sự diễn giải đến đây là phân tách cho thấy rõ tiếng kappa (kiếp) bởi tiếng kiếp này là tên của tuổi thọ quả đất, tên của tuổi thọ cõi sa bà thế giới hoặc của hư không thế giới. Mỗi ức koti cõi sa bà thế giới là quốc độ của mỗi vị Phật tổ, Sankhāra cấu tạo lên trong một thời với nhau, bị tiêu hoại cũng đồng thời với nhau, nếu tính từ khi cấu sanh lên cho đến khi tiêu hoại thì nhiều năm lắm, đến một, mười, một trăm, ngàn, vạn, ức, triệu, luôn đến A tăng kỳ cũng không hết, bởi vì cõi sa bà thế giới này có tuổi thọ dài lắm, cho nên các hạng trí tuệ, nhất là Đức

Phật định danh là kiếp (kappa) nghĩa là cõi sa bà có tuổi thọ một kappa mới tiêu hoại.

Trong bộ Samyutta nikāya ngay nơi phẩm Tina kattha có ý nghĩa dạy rằng: Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự gần thành Savatthī, có một vị Tỳ khuru vào hầu và bạch bạch hỏi như vậy: Bạch Đức Thế Tôn, Kappa có thời gian bao lâu?

Đức Thế Tôn đáp rằng: Dīgho kho bhikkhu kappa so na sukaro sankhatum ettakani vassani iti vā ettakani vassatani iti va ettakani vassasahassāni iti va ettakani vassasatasahassāhi iti: Này Tỳ khuru, kappa có thời hạn lâu lắm. Kappa không dễ gì đếm rằng: bao nhiêu năm, bao nhiêu ngàn năm, hoặc bao nhiêu ức năm, bao nhiêu triệu năm v.v... được đâu.

Thầy Tỳ khuru bạch hỏi nữa rằng: vậy Đức Thế Tôn ví dụ được không?

Phật phán rằng: Có thể ví dụ được, rồi Ngài thuyết kệ ngôn như vậy: Seyyathāpi bhikkhu mahāseho pabbato yojanam, āyāmena yojanam vithārena yojanam ubbedhena, acchiddo asusiro ekaghano tamenam puriso, vassasatassa, vassasa tassa accayena kasikena, va'thena sakim sakim parimajjeyya khippataram khoso, bhikkhu mahāseso pabbato imina upakkamena parikkhayam, payādānamgaccheyya na tveva kappo evam dīgho kho bhikkhu kappo. Này Tỳ khuru! Ví như một tảng đá to bề dọc một do tuần, bề ngang một do tuần, bề cao một do tuần, không lũng, không bông, là đá đặc ruột, trải qua mỗi một trăm năm, có một người cầm vải Kasika (mỏng) lại lau cái núi đá một lần: này Tỳ khuru! Hòn núi đá lớn kia, mãi cho đến khi mòn hết, do sự cố gắng này, còn mau hơn, song kiếp (kappa) vẫn chưa hết. Này Tỳ khuru, kappa có thời gian lâu như thế đó.

Trong khoảng thời gian sau có một vị Tỳ khuru vào hầu và bạch hỏi như trước nữa.

Đức Thế Tôn đáp như vậy: Seyyathāpi bhikkhu āyaṣaṃ nagaraṃ, yojanaṃ āyāmena yojanaṃ vittharena yojanaṃ ubbedhena puṇṇaṃ, sāsapānaṃ gulikā bandhaṃ tato puriso vassasatassa, vassasatassa accayena ekametam sasapaṃ uddhareyya khippataraṃ kho so bhikkhu mahāsāsaparāsi iminā, upakkamena parikkhayaṃ pariyādānaṃ gaccheyya na tveva, evaṃ dīgho kho bhikkhu kappo. Này Tỳ khuru! Ví dường như cái thành trì, bao bằng thành lũy, bề dài một do tuần, bề ngang một do tuần, bề cao cũng một do tuần, đựng đầy những hạt cải, là cái thành trì mà họ đập bằng đất sét, trải qua mỗi một trăm năm, có một người đến lấy bỏ ra một hạt cải khô đồng ấy, này Tỳ khuru, cái đồng hạt cải kia mãi cho đến khi hết sạch, do sự cố gắng này còn mau hơn, song kappa vẫn chưa hết, này Tỳ khuru, kappa có một thời gian lâu như thế đó.

Kappa này chia ra làm nhiều cách nữa, như chia làm hai, làm ba, làm bốn, làm sáu.

Chia làm hai là:

- Saṃvaṭṭa kappa: Hoại kiếp.
- Vivaṭṭa kappa: Kiếp trước hóa thành.

Chia làm bốn là:

- Tejo saṃvaṭṭa kappa: Kiếp hoại do lửa.
- Antarā kappa: Nhất định theo tuổi thọ tăng và giảm của nhân loại, nghĩa là tuổi thọ tăng lên một A tăng kỳ, rồi giảm xuống còn 10 tuổi là thượng thọ. Xuống rồi tăng lên mỗi lần như thế gọi là một Antarā kiếp.
- Asaṃ kheyya kappa: A tăng kỳ kiếp, là nhất định lấy 64 kiếp Antara gọi là một A tăng kỳ kiếp.
- Mahā kappa: Đại kiếp, nhất định dùng một kiếp A tăng kỳ gọi là một đại kiếp.

Chia làm bốn nữa là:

- Saṃ vaṭṭa kappa: Hoại kiếp, là tính từ khi trái đất bị hoại cho đến ngày tiêu hết.
- Saṃ vaṭṭatthāyi kappa: Không kiếp là bắt đầu từ khi tiêu hoại hết, cho đến khi cơ cấu lại nữa.
- Vivatṭa kappa: Thành kiếp, là kể từ khi kiếp sanh lên cho đến khi có mặt trời, mặt trăng:
- Vivatṭatthayi kappa: Trụ kiếp, kể từ khi có mặt trời, mặt trăng phát hiện cho đến khi bắt đầu bị tiêu hoại.

Chia làm sáu là:

- Sāra kappa: Kiếp có một vị Phật tổ giác ngộ.
- Maṇḍa kappa: Kiếp có hai vị Phật tổ giác ngộ.
- Vara kappa: Kiếp có ba vị Phật tổ giác ngộ.
- Sāramāṇḍa kappa: Kiếp có bốn vị Phật tổ giác ngộ.
- Bhadda kappa: Kiếp có năm vị Phật tổ giác ngộ.
- Suñña kappa: Kiếp không có Phật tổ giác ngộ.

Giải giải về kiếp hoại:

Kiếp hoại theo ba cách là:

1) Hoại bằng lửa cháy. Khi cả một ức koti cõi sa bà thế giới đủ tuổi một kiếp rồi, thì lửa cháy tiêu hoại tất cả thế giới ấy.

Trước khi lửa cháy có mưa to rơi xuống, trong khắp một ức koti thế giới, tất cả mọi người rủ nhau vãi, gieo các thứ giống, đến khi mọc lên chùng bò ăn được thì không sa mưa xuống nữa, cả hằng nhiều vạn năm, chúng sanh có nghiệp nhẹ nhàng, chết rồi được sanh lên cõi trời Phạm Thiên cả thầy, chỉ còn chúng sanh nào có ác nghiệp thì vẫn bị đọa đày, đến một thời gian lâu, các chỗ nước đọng cũng khô hết, mọi loài như cá, tôm, cua, rùa đều chết sạch. Chúng sanh địa ngục (chúng sanh địa ngục chết trong khi 7 mặt trời mọc lên) và loài bần sanh hoặc loài người, sau khi chết, được sanh lên cõi trời Dục Giới,

cổ tinh tấn tham thiền trong cõi trời cho đắc định, khi chết được sanh lên cõi trời Phạm Thiên Sắc Giới cả.

Thật ra một ức năm trước khi lửa bắt đầu cháy, có một vị trời tên Loka Byūhā, từ cung trời giáng xuống, biến thành ra người mặc y phục đỏ, thả tóc, cái mặt tràn trề cả nước mắt, lau nước mắt và đi theo các nẻo đường phố cáo rằng: các người chỉ còn một ức năm nữa cõi trời sẽ bị tiêu hoại, nước biển sẽ khô, quả đất, núi Tu Di, cõi trời, cõi Phạm Thiên (thấp) đều phải tiêu hoại. Các người hãy cố tham thiền, rãi tâm từ bi và cố gắng hầu hạ phụng dưỡng cha mẹ bằng cách cung kính.

Trong khi ấy các người thiện trí thức nghe lời chư thiên rồi thì phát sanh kinh cảm trước, vội vã cố tinh tấn lo làm phước bố thí, phụng dưỡng cha mẹ, không dám dễ dãi, khi chết đều được sanh lên cõi trời, gắng tham thiền trong cõi trời đắc định, đến khi chết được sanh lên cõi trời Phạm Thiên, khỏi thọ khổ lâu dài như các người Phi tịnh giả.

Trong bộ Visuddhi magga dạy rằng: Vassupacchedate pana uddham dīghassa addhuno accayena dutiyo suriyo pātu bhavati... Nghĩa: Kể từ khi dứt mưa, trải qua một thời gian lâu, có mặt trời thứ hai mọc lên rõ rệt. Khi trong thế gian có hai mặt trời thì ngày và đêm không phân biệt. Một mặt trời mọc thì mặt kia lặn, trong thế gian có sự nóng nẩy do mặt trời luôn khi.

Trong thời kỳ trước khi mặt trời chưa làm cho kappa tiêu hoại đó, vị trời Suriya hằng ở trong cái bảo điện, đến khi mặt trời làm cho cõi thế bị tiêu hoại, thì cái bảo điện ấy không có chư thiên ở nữa.

Mặt trời mới mọc có sắc nóng thái quá, mây mù trên hư không đều tiêu mất hết, nên hư không chẳng có chi ngấn ngại.

Khi cả hai mặt trời đua nhau mọc thì nước ở trong các ngòi, rãnh nhỏ đều khô hết.

Một thời gian lâu nữa, mặt trời thứ ba mọc lên thì nước trong các sông khô hết.

Một thời gian lâu nữa, mặt trời thứ tư mọc lên thì nước trong cả hồ lớn, nhất là hồ Anotattā cũng khô hết.

Một thời gian lâu nữa, mặt trời thứ năm mọc lên thì nước ở trong đại hải cũng khô hết, trong cả toàn cõi thế gian không có một giọt nước.

Một thời gian lâu nữa, mặt trời thứ sáu mọc lên, cả một ức koti cõi sa bà có bụi trần phải phúi lên và có nhựa của trái đất chảy ra.

Một thời gian lâu nữa, mặt trời thứ bảy mọc lên, cả một ức koti trong cõi sa bà có một ngọn lửa cháy hỏa hào, cháy tiêu các núi bề cao chừng một do tuần, rồi lần đến núi Tu Di làm cho tiêu hoại mất hết. Ngọn lửa ấy nhập lại cháy cõi Tứ Đại Thiên Vương, cõi trời Đao Lợi, cõi Dạ Ma, cõi Đâu Suất Đà, cõi Hóa Lạc, cõi Tha Hóa Tự Tại và cháy các tầng trời Phạm Thiên dưới, đến cõi Quan Âm thiên (Abhassata).

Sa yava aṇu mattampi saṅkhāragataṃ atthi tāvana nibbā yati: Ngọn lửa ấy nếu các vật bị cháy hãy còn thì cũng chưa tắt, cháy cho đến không còn dư tro, bụi mới tắt, ví như lửa cháy dầu ở phía dưới là không khí, phía trên cũng là không khí giống nhau cả thành một khối tối thênh thang mờ mịt.

2) Tiêu hoại do nước. Khi Lokadhātu hoặc là sa bà thế giới, đủ tuổi thọ một kappa, thì bị tiêu hoại. Sự tiêu hoại bằng nước, hành trình cũng giống như hoại bằng lửa vậy, chỉ khác nhau như thế này: Bầu trời làm cho mưa, rơi xuống trong cả một ức koti cõi sa bà thế giới, các vật liệu như núi, đồi v.v... khi đưng phải nước rồi, thì bị rã tan cả, nước toan ấy có gió thổi nâng đỡ

chung quanh, làm tan rã các núi đồi ở dưới xong rồi, làm tan sáu tầng trời Dục Giới, và nhiều tầng trời Phạm Thiên nữa, đến cõi gọi là Biển Tịnh Thiên (Subhakinhā).

Nước toan áy khô đi, các vật liệu như núi rừng bị tiêu tan theo nước... cũng ví như muối mà người ta bỏ vào nước vậy. Tiêu mất không còn dư chút gì cả.

Ở dưới là không khí, phía trên cũng là không khí giống nhau, thành một khối tối mênh mông.

3) Tiêu hoại do gió. Khi Lokathātu trong cõi thế giới sa bà đủ tuổi thọ một kappa, thì bị tiêu hoại. Sự tiêu hoại bằng gió, hành trình cũng giống như hoại bằng lửa vậy, chỉ khác nhau như thế này: Bầu trời làm cho gió bão lớn phát khởi lên, thổi bụi cho bay lên hư không mất cả, rồi thổi bung cả cát, đất, sạn, sỏi, đá, cây, núi va chạm nhau và bay lên trên không hư hoại cả, không dư sót một món gì, kể thổi tan quả đất, cõi trời Dục Giới, cõi trời Phạm Thiên, luôn đến tầng gọi là Quảng Quả Thiên (Vehapphalā), làm cho tiêu tan hết, chẳng còn dư sót tí nào cả. Gió hết trơn rồi ở dưới là không khí, phía trên cũng là không khí giống nhau, thành một khối thênh thang.

Kiếp hoại do ba thể cách như đã giải đây, cả ba thể cách này không phải thay đổi nhau mà tiêu hoại mỗi lần một món đâu, nghĩa là hoại bằng cách thức như vậy:

Hoại do lửa 7 lần, hoại do nước một lần, hoại do lửa và nước như thế này đến 63 lần mới hoại do gió một lần.

Đây là lệ thường của sự hoại kiếp.

Trong bộ Visuddhi magga có nói về nhân khiến cho hoại như vậy Akusala mūlesu hi ussannesu evaṃ loko vinassati.

So ca kho rāge ussannatare agginā vinassati dose ussannatare udakena vinassanti. Keci pana dese ussannatare. Āgginā rāge

ussannatare udākenāti vadanti. Mohe ussannatare vatena vinassati.

Nghĩa là: Kế khi cả ba ác căn là: Tham luyến, sân hận, si mê dày (nhiều) lên rồi, thì cõi thế sẽ hoại bằng ba cách trên: cõi thế gian nào có sự tham luyến dày hơn, thì bị hoại bằng lửa, nếu sân hận dày hơn, thì bị hoại bằng nước, nếu ai si mê dày hơn, thì bị hoại bằng gió.

Riêng về Keci Ākāriya giải rằng: Nếu có sân nhiều hơn thì bị hoại bằng lửa, nếu có tham luyến nhiều hơn thì hoại bằng nước, nếu có ai si mê nhiều hơn, thì bị hoại bằng gió.

Dứt kiếp hoại vẫn tắt.

ooOoo

GIẢI VỀ KIẾP THÀNH

Lẽ thường pháp tạo tác thế gian, (Saṅkhāraloka), hễ một khi cõi trước hoại rồi thì pháp tạo tác thế gian phải cấu tạo cõi mới lên nữa. Sự cấu tạo thế giới mới, trước nhưt trời mưa đầy cả một ức koti cõi thế, khi đầu có từ nhiều nước nhỏ như mù sương, lâu lâu mưa to giọt nước bằng cây sen, bằng cán chổi, bằng cái chày tay, bằng cây thốt nốt hoặc cây dừa, cho đến từ giọt nước lớn bằng trái núi, gió thổi nước ấy cho đông đặc, nước đó có hình thái như nước đọng lên lá sen, mới kẹo đặc sệt xuống theo tuần tự. Đám mưa đó lâu lắm, không từng lạnh ráo một lần nào, lâu chừng một kappa dứt hột mưa, khối nước đọng cao đến cõi trời Phạm Thiên. Hễ chi gió thổi cho nước rắc xuống tới chỗ Phạm Thiên thì thành cõi Phạm Thiên, rắc tới chỗ Lục Dục thiên thì thành cõi Lục Dục thiên, rắc hạ xuống đến chỗ nào núi, châu, cồn, biển thì thành núi châu, cồn, biển v.v... pháp tạo tác thế gian trong khi trước có trạng thái thế nào, pháp tạo tác sau cũng như thế ấy, không sai khác mấy.

Khi nước rắc xuống tới chỗ vừa thành châu, thì bọt nước đó có vị ngọt đóng thành đất, đất được thành lên đó nổi trên mặt nước, như lá sen nổi trên mặt nước vậy, hoặc như sữa nóng chảy trên mặt nước.

Trái đất trong buổi đầu có vị ngon và màu sắc tốt tươi, mùi thơm lạ thường, ngon ngọt như sữa trong trộn lẫn với mật ong hoặc com sữa (Madhupāyāsa).

Sự cấu khởi quả đất, thì chỗ Bồ Đoàn sanh trước, có một cụm sen mọc lên làm hiện tượng đầu tiên (Pubba nimitta).

Chỗ Bồ Đoàn nếu có một vị Phật thành đạo trong kappa ấy thì sen chỉ trở một cái hoa thôi, kiếp như thế gọi là Sāra kappa. Nếu có hai vị Phật thành đạo trong kiếp ấy thì sen trở hai cánh hoa, kiếp như thế gọi là Maṇḍa kappa. Nếu có ba vị Phật thành đạo trong kiếp ấy, thì sen trở ba cái hoa, kiếp như thế gọi là Vara kappa. Nếu có bốn vị Phật thành đạo trong kiếp ấy, thì sen trở bốn cái hoa, kiếp như thế gọi là Sara maṇḍa kappa. Nếu có năm vị Phật thành đạo trong kiếp ấy, thì sen trở năm cái hoa, kiếp như thế gọi là Bhadda kappa. Nếu không có vị Phật nào thành đạo trong kiếp ấy, thì chẳng có sen mọc làm tiền hiện tượng, kiếp như thế gọi là Suñña kappa.

Hoa sen trở một, hai, ba, bốn hoặc năm cái cũng đều mọc chung một cuống như chùm bông Kaṇṇikā vậy.

Thời ấy có lắm trời Phạm Thiên giáng xuống, nhiều kẻ lệ tính thấy đất có vị ngon, bèn nghĩ rằng: ở cái này là gì ư? Liền lấy tay quẹt lấy đất ấy rồi ném thử xem, vị đất liền vào các thần kinh dành để hưởng thọ vị vật thực, sự mong mỏi trong vị ngon đã phát sanh đến chúng sanh ấy, các chúng sanh khác bắt chước theo rủ nhau đưa ngón tay trở vệt đất ném thử xem, vị ngon của đất cũng thấm nhuần khắp thân thể của những chúng sanh ấy.

Kể đó các sanh vật ấy cứ cạy đất, vất từ vất mà ăn. Khi các vị Phạm Thiên ham ăn đất có vị ngon thì ánh sáng chiếu diệu nơi thân tiền tiêu mất đi, sự tối mờ phát sanh lên, các sanh vật ấy khi thấy tối thì khiếp sợ cả.

Liên đó vùng mặt trời có chu vi 50 do tuần, tức thì phát sanh lên, đặng tiêu trừ sự sợ hãi về đêm tối của chúng sanh, khi các sanh vật ấy thấy vùng mặt trời thì vui mừng cùng nhau gọi: Mặt trời! Mặt trời (Suriya)!

Mặt trời chói sáng trong ban ngày rồi lại mất, chúng sanh ấy cũng phát sanh sự kinh hãi lên nữa, nói với nhau rằng chúng mình được ánh sáng rồi lại bị mất đi, chúng mình sẽ được ánh sáng gì nữa ư?

Liên đó vùng mặt trăng có chu vi 49 do tuần tức thì phát sanh lên, chúng sanh ấy thấy mặt trăng thì vui mừng cùng nhau gọi mặt trăng (Canda).

Khi có mặt trời, mặt trăng rõ rệt rồi, các tinh tú cũng sanh lên, thì giờ, ngày và đêm cũng phân định, một tháng và nửa tháng cũng phát sanh, mùa và năm cũng phát sanh, núi Tu di, núi Hy Mã, núi Sa Bà, Tứ Đại châu sông biển cũng phát sanh rõ rệt trong ngày trăng tròn tháng Phagguṇa không trước không sau, như có Pāli chỉ rõ trong bộ Visuddhi magga ở đoạn núi Abhiññā rằng: Te ca kho apubbam acarimaṃ phagguṇa punṇa mā divaseyena pātubbavanti.

Khi chúng sanh ấy ăn đất có vị ngon, lấy đất làm vật thực, thì ở yên một thời gian khá lâu, sự mập mập trong thân thể của chúng sanh ấy cũng phát sanh đầy đủ, màu da cũng phát sanh, rõ rệt, có nhóm màu da tốt, có nhóm màu da xấu, các chúng sanh có màu sắc tốt chê chúng sanh có màu sắc xấu rằng: Chúng mình có sắc thân xinh đẹp hơn chúng nó, chúng ta khá hơn và cao thượng hơn, chúng sanh ấy có màu sắc xấu hơn chúng ta, vậy chúng ta chẳng nên tôn trọng lễ độ với chúng

sanh ấy? Khi những chúng sanh đó có ngã chấp và có sự khinh bỉ làm trợ nhân, thì đất có vị ngon để ăn cũng bị tiêu hoại hết, đến khi vị ngon của đất mất rồi, thì Pappa taka cái mỳ của đất liền phát sanh lên, cái mỳ của đất có hình dạng như một thứ nấm, màu sắc như toàn sữa hoặc bơ (Sappi) cũng giống như sữa cục (Navanīta) có vị ngon như mật ong trộn lẫn với con ong non.

Kể đó dây Padā mọc lên có vị ngon, chúng sanh ấy cùng nhau lấy dây Padā làm vật thực, ở yên một thời gian lâu, khi chúng sanh ăn dây Padā thì sự tráng kiện thân thể cũng phát sanh tột độ, màu sắc càng khác nhau, chúng sanh ấy lại ngã chấp và khinh rẽ nhau nhiều hơn trước nữa, dây Padā cũng tiêu hoại mất hết.

Lúa Sālī tự chín và lúa không trấu, không cám, trắng tốt, có mùi thơm, trở trái ra từng chùm, phát sanh đầy dẫy, chúng sanh rũ nhau lấy lúa Sālī ngay chỗ nào mà ăn buổi sáng, đến buổi chiều, lúa cũng mọc lên ngay chỗ ấy, cùng nhau lấy ăn nữa khỏi khổ nhọc phải đi kiếm nơi khác, từ đây chúng sanh dùng lúa Sālī tự chín làm vật thực, ở yên một thời gian khá lâu, chúng sanh nhờ ăn lúa ấy nên sự tráng kiện của thân thể cũng phát sanh tột độ, cả màu sắc cũng sai biệt nhau càng rõ rệt. Các mục ghê cũng bể ra thành khiêu nhỏ, khiêu lớn đặng bài tiết nước, xác và nam tướng mạo, nữ tướng mạo cũng phát sanh rõ rệt, nhóm nữ nhìn xem nhóm nam, nhóm nam nhìn xem nhóm nữ luôn khi, lòng luyến ái bèn phát khởi lên, sự nóng nảy bởi lòng luyến ái cũng tập trung trong thân thể. Kể từ khi đó chúng sanh bắt đầu gieo dâm với nhau, bởi có tâm luyến ái (Rāga) là trợ nhân. Thời ấy các chúng sanh đang giao cấu, thì lấy đất hoặc các vật khác mà ném, có kẻ khác lại chưởi mắng các chúng sanh đang dâm dục đó. Khi chúng sanh đã nặng tình trong sự dâm dục rồi, thì rũ nhau làm nhà để che dấu sự giao hiệp từ lúc ấy.

Trong thời gian sau lại có chúng sanh lười biếng mới nghĩ như vậy: Ôi! ta lấy lúa sáng thì ăn trong buổi sáng, đi lấy buổi chiều thì ăn trong buổi chiều, thật đấy là cả một sự khó khăn lắm vậy. Thôi ta hãy đi lấy lúa để dành ăn trong buổi sáng, và lấy luôn để dành ăn chiều nữa mới tiện.

Có một chúng sanh vào gặp người ấy rồi rằng: Này bạn, hãy cùng tôi đi lấy lúa Sālī về ăn.

Chúng sanh đó đáp: Thôi khỏi, tôi lấy về ăn đầy đủ rồi.

Người ấy khi nghe thì cảm thấy có phần giả tiện, nên cũng bắt chước theo, đi lấy lúa Sālī về để dành ăn hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày hoặc nhiều hơn nữa.

Đến khi chúng sanh cùng nhau bắt đầu ăn lúa Sālī đã lấy về cất như thế, thì vỡ trấu và cám bao bọc hạt gạo cũng phát sanh đến đổi chỗ lấy lúa đó nó cũng thôi mọc nữa.

Khi ấy những chúng sanh hội họp và than thở rằng: Này chúng mình ơi! Pháp thấp hèn đã phát sanh đến chúng ta rồi, pháp thấp thỏi xấu xa đã phát sanh đến chúng ta rồi. Lúc trước kia chúng ta sanh do tâm thiên định, có phi lạc là vật thực hào quang chói từ trong thân tủa ra phi hành theo hằng không được dễ dàng như ý muốn, ngày nay đến đổi lúa Sālī cũng có trấu và các chỗ lấy lúa nó cũng thôi mọc lại nữa, bởi có ác pháp đã phát sanh đến ta rồi, nếu thế thì chúng ta nên chia lúa Sālī và chia phần đất để trồng lúa; kể từ đó chúng sanh rủ nhau chia lúa Sālī, đóng cọc phân ranh riêng cho mỗi người; thời ấy có một chúng sanh là hạng thấp kém, xấu xa lén dấu phần lúa phát sanh của mình, đi trộm cắp của kẻ khác về ăn, chúng sanh khác bắt người ấy và rầy mắng rằng: Ô! người làm nghiệp xấu xa lắm, người chằng nên dấu phần lợi của mình, rồi trộm phần của kẻ khác về mà ăn, người đừng làm như thế này nữa. Về sau người ấy cũng cứ trộm hai, ba lần như cũ, các kẻ khác cũng

bắt được và mắng rầy đủ điều, có kẻ tát tay bằng bàn tay hoặc đánh bằng cây.

Trong khi ấy sự trộm cắp phát rõ rệt, sự chê bai cũng phát sanh rõ rệt, trong sự nói dối, sự thiết lập uy thế cũng phát sanh rõ rệt thế gian này.

Kinh Dīgha nikaya ở bài tụng Aggañña dạy rằng: Lúc Đức Thượng Sư A La Hán Chánh Đẳng Chánh Giác an ngự trong chùa Kiến Sơ (Pubba rama), có diễn giải cho hai ông sadi như vậy: Athakho te vāsettho sattā sannī patimsu sannipatitvā anuthanimsu pāpaka bho dhammā sattesu pātubhūtā yatra hi nāma adinnādānaṃ. Paññāyissati garaha Paññāyissati musāvādo paññāyissati dandā dānaṃ Paññāyissati yannūna mayaṃ ekaṃ sattaṃ sammaneyy āma yo no sammākhīyitabbaṃ khīyeyya sammāgarahi tabbaṃ garaheyya sammā pabbā jetabbaṃ pabbājeyya mayaṃ panassa sālīnaṃ bhagaṃ anuppadaṣṣāmāti athakho te vāsettho sattā v.v...

Nghĩa là: Nay Vāsettha và Bhūra Dvāja, khi ấy những chúng sanh tập hợp lại mới than thở rằng: Ô! Ác pháp cả thầy đã phát sanh đến chúng ta rõ rệt rồi, bởi sự trộm cắp, sự hủy báng cũng phát sanh rõ rệt, nói lời giả dối cũng phát sanh rõ rệt, sự thiết lập uy thế cũng phát sanh rõ rệt, nếu vậy chúng ta nên đề cử một chúng sanh cho làm người khiển trách, những chúng sanh đáng khiển trách, hiệp theo duyên cớ, cho hủy báng, những kẻ đáng hủy báng hiệp theo duyên cớ, cho tấn xuất những người đáng đui ra đứng theo duyên cớ, làm giúp việc cho chúng ta; về phần chúng ta thì nên hiến số lúa Sālī cho người ấy.

Nay Vāsettha và Bhurā Dvāja, chúng sanh ấy vào kiếm người có sắc thân xinh đẹp, đáng nhìn xem, đáng ngưỡng mộ, có chức quyền to lớn, tức là đức Bồ Tát.

Khi vào đến nói như vậy: Thưa Ngài, Ngài hãy khiển trách chúng sanh đáng khiển trách hiệp theo duyên cớ, hãy hủy báng

chúng sanh đáng hủy báng hiệp theo duyên có, hãy tản xuất chúng sanh đáng đui ra theo duyên có, thì chúng tôi sẽ hiến phần lúa Sālī cho Ngài. Đức Bồ Tát nhận lời với chúng sanh ấy rằng: Tốt! Rồi kể từ đó Ngài khiển trách các chúng sanh đáng khiển trách, hủy báng các chúng sanh đáng hủy báng, hoặc đui ra theo duyên có. Tất cả chúng sanh ấy đều hiến phần lúa Sālī cho Bồ Tát.

Toàn chúng sanh tôn xưng Đức Bồ Tát đó là: "Mahā sammata" vậy, bởi có câu trích giải rằng: Mahājana sammatoti: Mahā sammato (chúng sanh nào) mà đại chúng tôn xưng rồi (chúng sanh ấy) gọi là Mahā Sammati: Đại Tôn hoặc Đại vương, nghĩa là người mà phần đông tôn xưng được phát sanh từ lúc ấy.

Có nhóm chúng sanh gọi đức Bồ Tát bằng Hattiya: Vua bởi Đức Bồ Tát là chủ của tất cả ruộng, do có câu trích giải rằng: Khetānam adhipatīti Hattiyō (chúng sanh nào) là chủ của tất cả ruộng (chúng sanh ấy) gọi là khattiya vua, là đáng làm chủ đất nước có từ khi đó.

Có nhóm chúng sanh khác gọi Bồ Tát là Rājā: Vương, thủ lãnh trong quốc độ, bởi vì Bồ Tát làm cho chúng sanh được mãn nguyện, đúng theo pháp, có câu trích giải rằng: Dhammenaparesam ranjetīti: Rājā (chúng sanh nào) làm cho tất cả người khác mãn nguyện bằng pháp (chúng sanh ấy) gọi là Rājā: Người làm cho các chúng sanh khác được mãn nguyện bằng pháp, riêng rājā có từ lúc ấy.

Câu chuyện này dứt vẫn tất chỉ có thế.

Kể từ lúc ấy, cõi thế cứ có sự tiến triển và không tiến triển, xoay vần lên xuống nhiều lần nhiều lượt. Đây sẽ dẫn sự xoay vần lên xuống đó lại giảng giải theo trong bộ Dīgha nikaya ở bài kinh Cakka vatti như đây: Thuở nọ Đức Phật Chánh Giác an ngự trong rừng Mātulā nơi xứ Māgadha.

Khi ấy Đức Thế Tôn thuyết dạy chư Tỳ khuru rằng: Bhūta pubbam bhikkhave rājā dalhanemi nāma ahosi cakkavatti dhammiko dhammarājā chāturanto vijjitāvī janapadatthā vavikayappatto sattaratana sammannāgato. Tassimāni satta ratanāmi v.v... Nghĩa là: Này chư Tỳ khuru! Thửờ đời quá khứ có một đức vua tên Dalhanemi làm vua Chuyển Luân Vương, ngài là vị vua hợp pháp làm lớn trên quả đất có bốn biển là nơi biên cương cuối cùng là vua thắng trận, ngài có thần dân hùng mạnh, ngài đầy đủ 7 thứ châu báu, đức vua Dalhanemi cai trị đất nước có bốn biển làm ranh giới, hợp pháp luôn khi, không cần dùng uy quyền, chẳng cần dùng khí giới.

Đến thời gian trôi qua nhiều năm, nhiều ngàn năm, vua Dalhanemi mới phán với người cận thần rằng: Nếu người thấy bánh xe báu mất khỏi chỗ giờ nào, thì hãy báo tin cho trẫm trong giờ ấy, đến thời gian lâu hàng ngàn năm về sau người ấy thấy cái xe báu lìa khỏi chỗ bèn vào tâu cho đức vua rõ.

Thời ấy đức vua Dalhanemi hoàng tử lớn lại phán như vậy: Này con yêu quý của cha, nghe nói ngọc luân quý của mình đã mất rồi, điều này theo cha nghe rằng: Nếu bánh xe quý báu của vua chuyển luân nào biến mất khỏi chỗ rồi thì kẻ đó vị vua ấy không sống lâu nữa đâu, còn về dực lạc của nhơn gian cha đã thọ dụng no chán rồi, giờ này là giờ cha cần sưu tầm an lạc cao quý. Này con yêu dấu của cha, con hãy cai trị đất nước mà có biển là biên cương ấy đi.

Còn cha sẽ cạo đầu, cạo râu, mặc y cà sa xuất gia tu hành. Đức vua phải phủ dụ đồng cung trưởng tử cho thỏa thích trong ngôi vị đế vương xong rồi, ngài ra khỏi hoàng cung, ngự vào rừng tu đạo sĩ. Trong khi đức đạo sĩ mới tu được 7 ngày thì cái ngọc luân quý ấy cũng mất luôn.

Kế sau đó thị thần vào hầu đức Tân Quân vừa mới tức vị và tâu cho lăm tướng rằng: Kính tâu lệnh thiên tử, xin ngài tường, cái ngọc luân quý báu biến mất đi rồi.

Đức vua nghe xong thì có lòng buồn rầu vô hạn, mới ngự đến hầu Đức Đạo Sĩ phụ hoàng và bạch rằng: Kính bạch phụ vương rõ, cái bảo luân đã mất rồi.

Đức đạo sĩ phán dạy con như vậy: Này con, nếu xe báu mất đi thì con đừng buồn, đừng tủi gì cả, con hãy thực hành chuyển luân pháp (Cakkabatti vatta) cho con thượng đi, nếu con thực hành chơn chánh rồi, ngọc luân có một ngàn cái cắm đầy đủ bằng mọi thể cách sẽ phát sanh rõ rệt đến cho con, hãy dọn mình cho thanh tịnh để thọ trì trai tịnh giới, nên ở yên trên bảo điện trong những ngày trai tịnh.

Đức vua con bạch hỏi về pháp hành của chuyển luân vương được đạo sĩ là phụ hoàng dạy rằng: Này con, nếu thế con chỉ nương theo pháp thôi, và làm lợi cho pháp, con cung kính pháp, trân trọng pháp, cúng dường pháp, kính nể pháp, lấy pháp làm cố, lấy pháp làm cầu, lấy pháp làm trọng, tổ chức về sự thống trị cho hiệp pháp đối với người bên trong là vợ, con, hoàng gia thân tộc, đối với toàn dân, hoặc số người quy thuận, các bậc trưởng giả trong xóm trong thôn, sa môn, bà la môn và loài phi cầm tâu thú.

Này con, chẳng nên làm điều ác trong xứ của con nếu người nào trong xứ của con không có tài sản, con cần cho của cải đến người ấy.

Nếu có chư sa môn, bà la môn nào, ở trong xứ của con là các bậc không dễ duôi, an trú trong pháp nhẫn nhục (Khanti) và pháp dễ dạy (Soracca) con hãy nên vào kiếm các sa môn, bà la môn ấy luôn khi; nên học hỏi cho thông rõ về những nghiệp nào tội lỗi và không tội lỗi, nghiệp nào thiện và ác, khi con

nghe lời chỉ dạy của các sa môn, bà la môn rồi, con cần lánh xa nghiệp ác, và tu trì thiện nghiệp.

Này con, đây là pháp hành cao thượng của vua chuyển luân thánh vương.

Đức vua con nghe lời giáo huấn của đạo sĩ cha rồi, cố gắng thực hành pháp chuyển luân vương cao thượng ấy, dọn mình thanh khiết để thọ trì bát quan trai giới, ngài an ngự trên bảo điện trong những ngày trai tịnh.

Khi ấy cái bánh xe báu có cả ngàn cái cãm cũng phát sanh lên, vua thấy rõ rệt bèn nghĩ rằng: Bánh xe báu phát sanh đến vua nào, thì vua ấy là chuyển luân vương. Ô! Vậy ta là vua chuyển luân vương rồi đây!

Khi ấy đức vua rời khỏi chỗ ngự, choàng y phục chính tề, tay trái cầm cái bình bằng vàng, tay mặt phủ lên bánh xe báu và chú nguyện rằng: Xin cho xe báu tiến hành vĩnh cửu, xin cho xe báu có sự toàn thắng, khi ấy xe báu bay nổi đi đến hướng đông, vua chuyển luân cũng nổi bổng theo bánh xe báu ấy, luôn cả quân binh. Nếu bánh xe báu dừng trú nơi quốc độ nào thì vua đóng đô tại đó.

Còn về các ông nghịch vương ở trong hướng đông, thấy đều vào hầu đức vua chuyển luân và tâu rằng: Tâu Đại vương, đất nước của hạ thần là đất nước của Đại vương, xin Đại vương nhận và dạy dỗ cho.

Vua chuyển luân bèn dạy rằng: Các người chẳng nên sát sanh, chẳng nên trộm cắp, chẳng nên tà dâm, chẳng nên nói dối, chẳng nên uống rượu và các chất say, trái lại hãy dùng các vật nên dùng.

Kế sau đó xe báu bổng lên, bay đi đến các hướng Nam, Tây và Bắc, đức vua cũng bay bổng theo như hành trình trước, ngài thắng kẻ nghịch trên toàn cõi, có biển làm ranh giới cho an trú

trong ngũ giới cả, rồi ngài ngự trở về hoàng cung, xe báu đến trú trong chỗ tòa phân xử gần hoàng thành, xe trú yên đường như gậy trúc không chạy nữa và chiếu sáng làm cho cả hoàng thành rực rỡ.

Đức vua Chuyển Luân này, đến già cũng trao ngôi cho hoàng tử đồng cung theo hành trình phong tục của cha, được 6 vị vua sau cũng làm theo qui cũ ấy.

Đến đời vua thứ 7, không làm theo phong qui ấy cho nên xe báu chẳng phát sanh đến đức vua đó, vì ngài dạy dân theo tri kiến kém cõi của mình, trong đất nước vạn dân không được an vui, tiến hóa như chư Tiên Đế ngày xưa. Lúc đó các quan Đại thần khâm thiên, kinh tượng thủ hộ và các người nuôi mạng bằng phù phép (Manta) đều hội họp nhau và phục tấu với vua rằng: Kính tâu Đại vương, bá tánh không được tiến hóa như trong thời minh trị của chư Tiên Đế là bậc thực hành chuyển luân vương pháp cao thượng.

Tâu Đại vương, quần thần toàn là người thông thuộc chuyên luân vương pháp, xin Đại vương hỏi chúng hạ thần đi, chúng hạ thần sẽ giàu đáp dâng cho ngài.

Khi ấy đức vua hỏi pháp hành của Chuyển Luân Vương.

Họ cũng giải đáp hiển cho.

Khi đức vua nghe lời của các vị ấy giải bày, thì ngài chuẩn bị tổ chức thống trị hợp theo vương pháp trở lại, song ngài lại không bỏ thí của cải đến cho mọi người nghèo, thế nên sự nghèo túng càng thêm lên. Khi sự túng thiếu nhiều thì có người lấy tài sản của người khác, gọi là trộm cắp, quân lính bắt được người ấy dẫn đến vua và tâu rõ việc.

Đức vua phán hỏi: Người trộm của người ta phải không?

- Tâu Đại vương, hạ thần có trộm thiệt.

- Bởi sao mà người trộm?
- Sở dĩ hạ thân phải trộm là bởi không có vật chi để nuôi mạng sống.

Liên đó đức vua bỏ thí của cải đến người ấy và ngài dặn rằng: Người hãy lấy của cải đi tiêu dùng và phụng dưỡng cha mẹ, vợ con và hãy làm phước cúng dường đến sa môn, bà la môn.

Người ấy tuân làm theo lời vua.

Về sau lại, phần đông người nghe tin vua bỏ thí cho kẻ trộm như thế bèn rủ nhau ăn trộm của người ta, càng nhiều thêm lên (ác nghiệp cũng khởi sanh trong thế gian càng nhiều thêm kể từ đó).

Kế sau có kẻ trộm, quân lính bắt nạp cho vua, đức vua phán hỏi nó trình bày như kẻ trộm trước. Khi ấy đức vua nghĩ rằng: Nếu ta cứ cho của cải đến kẻ trộm này nữa về sau chắc hẳn sự trộm cắp sẽ đầy dẫy trong thế gian, chi bằng ta phải răn trị bằng lối cắt đầu bọn trộm cướp. Đức vua bèn phán thị thần rằng: Các khanh hãy trói xếp cánh người này cho chặt, rồi cạo đầu cho sạch, đánh trống dẫn đi khắp các nẻo đường, xong đem ra cửa nam môn mà cắt đầu đi. Quân lính làm theo lệnh nhà vua, nhiều người nghe tin rằng: Đức vua cho cắt đầu kẻ trộm như thế thì rủ nhau tạo khí cụ rất bén, rồi dẫn nhau đi cướp của, giết người trong thôn xóm, châu thành, người qua đường v.v... đoạt lấy của cải, rồi chém giết tài gia nữa, sự sát sanh khởi đầu trong thế gian từ lúc đó.

Trong khi đức vua không bỏ thí tài sản cho dân nghèo thì sự trộm cắp có nhiều, sự sát sanh cũng thêm nhiều nữa.

Kế đó lại có một người trộm, quân lính bắt đem nạp cho vua, đức vua phán hỏi như trước, nó không dám khai thật vì sợ vua giết, nên nói dối không trộm cắp bao giờ cả, sự nói dối đã khởi đầu phát sanh trong thế gian, hễ khi sự nói dối có rồi thì bốn

điều hạnh phúc là: sống lâu, sắc đẹp, an vui, sức mạnh của chúng sanh phải sụt xuống, còn tám vạn năm, qua một thời gian lâu, bị giảm xuống còn bốn vạn năm, con cháu của các người bốn vạn tuổi đó lại có người trộm cắp, nhiều người ghét kẻ gian nên đi tâu vua bằng lời đâm thọc cho vua nghe đặng bắt kẻ trộm ấy, lời nói lưỡng thiệt cũng phát sanh rõ rệt trong thế gian, con cháu của nhóm người hai vạn tuổi do đó phải bị giảm xuống còn một vạn năm.

Trong số người tuổi thọ một vạn, có kẻ sắc thân đẹp, có kẻ sắc thân xấu xí, người thân hình xấu lại thương kẻ có sắc thân xinh đẹp, cho nên hành động tà với con vợ kẻ khác. Sự tà dâm phát khởi lên trong thế gian, kể từ đó.

Con cháu của người một vạn tuổi, cũng bị giảm xuống còn năm ngàn năm, trong khi nhơn loại còn năm ngàn tuổi, thì có hai ác pháp là: ác ngữ (Pharusavācā) và vô ích ngữ (Samphappalāpa) cũng phát sanh lên. Con cháu của những năm ngàn tuổi cũng bị giảm xuống còn hai ngàn năm trăm năm, có hai ác pháp là: Liếc xem của người hoặc tham (Abhijjhā) và hủy hoại kẻ khác hoặc sân (Abyā pāda) cũng phát sanh lên trong thế gian, kể từ đó.

Con cháu của người hai ngàn năm trăm tuổi cũng bị giảm xuống còn một ngàn năm, có một ác pháp là: Tà kiến (Micchā diṭṭhi) cũng phát sanh lên trong cõi người từ khi đó.

ooOoo

GIẢI RÕ THẬP ÁC

Thập ác nghiệp phát sanh trong thế gian, không phải sanh theo thứ tự giống như thập thiện nghiệp mà trái lại sanh như thế này:

1) Adinnādānā: Trộm cắp.

- 2) Pānātipātā: Sát sanh.
- 3) Musāvāda: Nói dối.
- 4) Pisunāvādā: Nói hai lưỡi.
- 5) Kāmesumicchācāra: Tà dâm.
- 6) Pharusavācā: Nói lời độc ác.
- 7) Samphappalapa: Nói lời vô ích.
- 8) Abhijjhā: Liếc xem của kẻ khác, muốn đem về phần mình.
- 9) Byāpāda: Cố ý hủy hại kẻ khác.
- 10) Micchā ditṭhi: Tà kiến, hiểu lầm, quấy cho là phải, phải cho là quấy.

Về thập thiện nghiệp pháp sanh như vậy:

- 1) Lánh xa sự sát sanh.
- 2) Lánh xa sự trộm cắp.
- 3) Lánh xa sự tà dâm.
- 4) Lánh xa sự nói dối.
- 5) Lánh xa sự nói hai lưỡi.
- 6) Lánh xa sự nói độc ác.
- 7) Lánh xa sự nói lời vô ích.
- 8) Lánh xa sự liếc xem của kẻ khác, mong đem về phần mình.
- 9) Lánh xa sự cố ý hủy hoại kẻ khác.
- 10) Lánh xa sự tà kiến.

Hễ khi thập ác nghiệp phát sanh nhiều trong thế gian, thì con cháu của người một ngàn tuổi cũng bị giảm xuống năm trăm năm. Trong khi ấy có ba ác pháp cũng phát sanh lên nữa là:

- 1) Adhammārāgā: Luyến ái sai với pháp điều: nghĩa là người có sự luyến ái trong cha, mẹ, chú, bác, cô, dì và anh em ruột của mình.
- 2) Visamalobha: Muốn được quá độ, muốn được bất kể pháp luật, nghĩa là cái không đáng cho ta cũng muốn, ở trong quốc độ kia lại muốn được vật trong quốc độ này, ở nơi xứ này lại muốn được vật nơi xứ khác v.v...

3) Micchā dhamma: Mong mỗi trong tà pháp, nói về sự thỏa thích của người nam với người nam, người nữ với người nữ.

Hễ khi cả ba pháp này phát sanh nhiều rồi thì con cháu của người năm trăm năm tuổi bị giảm xuống hai trăm năm chục năm; khi ấy người ta không mấy gì biết cung kính cha, mẹ, thầy tổ, bậc trưởng lão, tuổi thọ nó cứ bị giảm xuống còn một trăm năm.

Trong thời kỳ tuổi thọ con người còn 100 năm có vị Bồ Tát tiền thân Phật Thích Ca, từ cung trời Đâu Suất Bà, giáng sinh vào lòng bà Māyā, là chánh hậu của vua Suddho dāna tại thành Kapilavatthu.

Ngài xuất gia thành Phật: Đức Thế Tôn nhập Níp Bàn trong lúc đúng tám mươi tuổi. Có chú nguyện giáo pháp tồn tại năm ngàn năm. Bây giờ đây Phật giáo đã trải qua hết hai ngàn năm trăm lẻ bốn (2.504) năm rồi, tuổi thọ con người hiện tại đây giảm xuống còn chừng 75 tuổi thôi. Bởi theo sách cho tính như vậy: Cứ trải qua một trăm năm giảm xuống một tuổi.

Sự giảm thọ của chúng sanh đây chưa tột mức đâu, còn giảm xuống nữa, cho đến loài người chỉ có tuổi thọ mười năm, như lời Phật thuyết trong kinh Dīgha nikāya rằng: Bhavissati bhikkhave so samayo yaṃ imesum manussanam dasa vassāyukāputtā bhavissati v.v...

Nghĩa là: Này chư Tỳ khuru! Kế đến thời gian sau sẽ tới lúc con cháu những người này thọ mười tuổi, hễ khi người đời mười tuổi là thượng thọ, phụ nữ 5 tuổi là vừa cho có chồng. Này chư Tỳ khuru! Trong khi người đời mười tuổi thượng thọ, thì mật sữa đặc, dầu nước mía, muối sẽ mất hết, loài người sẽ ăn cỏ trường diệp, lấy cỏ trường diệp làm vật thực.

Cả thập thiện nghiệp tiêu vong hết, cả thập ác nghiệp phát triển, những người hiếu kính cha mẹ cũng mất hết, người đời bạo tàn

không kẻ quấy phải, như loài súc sanh vậy, sẽ phát sanh sự tai hại to lớn trong thời kỳ ấy, gọi là Satthantara Kappa (đao binh tai) nghĩa là tất cả người trong thế gian bị tiêu hoại bởi khí cụ.

Trong khi phát khởi đao binh tai, thì loài người có khí giới đều nhau cả, thấy loài người giống nhau, dường như kẻ săn bắn thấy thú rừng, nghĩa là cha mẹ thấy con, con thấy cha mẹ, khỏi sự nóng nảy rượt theo chém nhau trong vòng 7 ngày chết tiêu cả. Trên mặt đất toàn là máu: Khi qua khỏi 7 ngày có số ít người chạy trốn thoát trong rừng vắng, hang sâu v.v... cũng ra kiếm gặp nhau, trong cả xứ chỉ còn sót vài ba người, khi gặp thì ôm hôn và nói lời nhỏ nhẹ với nhau, có tâm thương mến như anh em ruột.

Sự phát khởi Satthantara này, nếu tính từ khi Phật lịch từ 2504 năm này, thì chỉ còn 6.496 năm nữa là tới rồi (tính bằng lối trải qua một trăm năm, giảm xuống một tuổi, trong tổng số 9.000 năm từ lúc Phật ra đời).

Nói về các người còn sống sót lại, khi được gặp nhau thì nhóm bàn với nhau như vậy: Nhân loại sở dĩ tiêu hoại toàn cả thế giới như vậy chỉ bởi sự hành động ác pháp. Vậy thì chúng mình nên thực hành thiện pháp.

Giờ đây hành động bằng cách nào?

Chúng ta nguyện quyết tâm lánh xa sự sát sanh, bởi vì tất cả chúng sanh trong thế gian, toàn là muốn sống đều nhau cả, nếu ta giết kẻ khác, thì chúng ta ắt phải bị chết như họ chẳng sai.

Khi đã bàn tính như thế rồi thì cùng nhau cử hại sát hại sanh vật. Điều thiện nghiệp thứ nhứt được tái phát trong thế gian kể từ khi ấy (chỗ khác nói, khi tất cả chúng sanh đã gìn giữ một điều thiện nghiệp rồi, có một đám mưa rất lớn, cuộn lồi tất cả tử thi xuống sông, biển, và có hoa quý rơi xuống rất nhiều.).

Do đó con cháu của những người 10 tuổi, sẽ được tiến hóa lên đến 20 tuổi mới chết.

Sau một thời gian lâu xa, số người ấy bàn nghị với nhau rằng: chúng mình sợ dĩ được tăng tuổi thọ lên đây là nhờ thực hành thiện pháp thế cho nên chúng ta hãy cố gắng thực hành thiện pháp cho nhiều thêm lên nữa.

Tất cả nhơn loại cùng nhau hành trì thiện nghiệp tuần tự cho đến tròn đủ cả 10 điều, khiến cho tuổi thọ cứ tăng tiến lên mãi, cho đến khi con người có tuổi thọ đến 8 vạn năm (Naya khác nói rằng: Tuổi thọ tăng lên đến một A tăng kỳ, rồi mới giảm trở xuống).

Nhân loại 8 vạn tuổi thì các nàng thanh nữ phải năm trăm tuổi mới vừa có chồng.

Bệnh tật của nhân loại trong thời kỳ ấy chỉ có 3 thứ là:

- 1) Muốn trong vật thực.
- 2) Ăn vật thực không được.
- 3) Sự tiêu tụy thân thể.

Trong khi nhân loại có 8 vạn tuổi, cõi Diêm Phù này là nơi phong phú to lớn, có thủ đô, xứ sở kế kế nhau, chừng một không gian con gà bay rơi xuống, đầy cả người kiếm không thấy chỗ trống, tạm ví như chúng sanh trong địa ngục vô gián, không thì như rừng cây sậy, hoặc như rừng cây dưng núi.

Xứ Bārānasī hằng ngày đây lúc ấy cũng dùng tên là hoàng thành Ketumatī.

Trong cõi Diêm Phù này có 8 muôn ngàn quốc độ, nhất là quốc độ Ketumanī, có một vị Đại vương danh hiệu Sankha, sanh làm vua chuyển luân vương trong cõi ấy, làm lớn trên quả địa cầu, có bốn biển là ranh giới, ngài có quốc dân vĩnh cửu, đầy đủ bảy báu.

Đến thời gian trải qua rất lâu, Đức Phật Thế Tôn hiệu Metreyya (Di Lạc) sẽ ra đời, ngài sanh vào làm con trong dòng Bà la môn to lớn nhất trong xứ Ketumatī ấy, mẹ ngài tên Brahma Vāti, cha tên Subrahmā.

Thời ấy nhân loại trong thế gian đầy đủ sự an lạc, đầy đủ về mọi mặt, dường như chư thiên ở trong các cõi trời.

Đức Phật Metreyya tuổi thọ tám vạn năm mới nhập Níp Bàn, xong một ít lâu nữa, cõi đất (Bhadda kappa) chúng ta ở này sẽ tới tuổi bị lửa cháy làm cho tiêu hoại hết.

Bởi có ấy xin các hàng Phật tử hãy cố gắng thực hành thiện pháp cho đều nhau cả thầy đi, xin chớ bỏ qua.

Dứt Kappa Kathā văn tắt.

ooOoo

PHỤ BẢN

Sau khi các độc giả xem qua quyển Kappa Kathā không khỏi phân vân khó hiểu, ví có lắm điều vượt hẳn trình độ tri kiến của chúng ta, đại khái như có nhiều đạo giáo nói đến "Đấng Tạo Hóa dựng nên trời đất v.v...".

Theo kinh Phật trong chỗ này, thì không chỉ cho một đấng nào cả, mà trái lại dùng chữ "Pháp Tạo Hóa thế gian" với tri giác siêu phàm của Đức Phật, không phải như cái kiến thức nhỏ hẹp của các người khác, chỉ biết nói đến một thời hạn ngắn và một đối tượng do cá nhân nào đó sáng lập ra thôi, khi đi sâu và vấn đề, thì cụt đường bí lối.

Riêng Đức Phật Thích Ca nói đến pháp tạo hóa, tức là do chúng duyên hiệp thành, chúng duyên chỗ này là dựa vào trạng thái thiên nhiên của vũ trụ, đồng thời cũng do sự tương quan mật

thiết nhân duyên lành và dữ, tức là thiện nghiệp hoặc ác nghiệp vậy.

Đoạn trước đã nêu rõ thập ác nghiệp và thập thiện nghiệp để quý vị thấy rằng ta cần chừa bỏ hoặc lánh xa điều ác, nên tu tập pháp lành.

Lời Phật dạy có rất nhiều, nhưng đây tạm nói ba pháp lành là nguyên nhân phát sinh phước như sau đây:

- Bố thí (Dāna).
- Trì giới (Sīla).
- Tham thiền (Bhāvanā).

Sự bố thí để giúp cho kẻ khác được an vui, ấy là ta sẽ được phước báu. Ngoài đó ra lại còn trường dưỡng các đức tánh tốt, khiến cho tâm ta mát mẻ vui tươi, mỗi kiếp sanh nào được sanh ra cũng được đầy đủ hạnh phúc, nhất là có sắc thân xinh đẹp, túc y, túc thực.

Sự trì giới là phương tiện răn cấm không cho thân làm, khẩu nói điều ác, bất cứ một điều nào nếu ta chẳng có giới, chắc hẳn không trước thì sau, cũng sẽ làm hoặc nói tội lỗi độc ác, rồi bị sa đọa chẳng sai. Người có giới chắc chắn sẽ đi trên con đường an lạc.

Sự tham thiền là phương pháp để tu tâm; công nhận là tâm khó tu lắm, nhưng khi tu được rồi, ta sẽ thấy nó vô cùng giá trị, thử nghĩ như nước đục ta không thể dùng vào một việc gì khác, xong khi nước trong rồi sẽ trở thành hữu dụng vô cùng.

Tâm phàm tục cũng bợn nhơ như nước đục kia vậy. Mọi người muốn nước trong cũng như bậc hành giả cố gắng tu cho thân tâm đến mức thanh tịnh, ngộ hầu đạt được lợi ích cao thượng.

Lẽ thường, miếng chín ai cũng muốn ăn, nhưng khó là khi nhúm lửa bắt nổi; nước trong ai cũng muốn uống song làm cho

trong mới là khó. Tâm phiền não ô trọc mà người khéo léo dùng đúng phương pháp như:

- Nước đục đổ vào lu, tâm phàm thể vào giới, lu nước để lắng trong, tâm phàm có tu định.
- Nước trong gặt cạn bỏ, tâm phàm diệt bằng huệ.

Khi đã bỏ cạn cái, chỉ còn thanh thủy thuần nhất, cũng như tâm ô trọc, đã dùng Giới Định Huệ diệt trừ gặt bỏ sạch hết rồi ấy là tâm giải thoát. Tâm cõi bỏ hết phiền não và nghiệp chướng rồi, đạo quả thánh nhơn sẽ rõ rệt, thế là tuệ giải thoát đã minh hiện đầy đủ. Bạc thánh nhân đạt đến quả vị siêu thoát, dù đang sống không lo ngại gì về vấn đề Thành Kiếp, Hoại Kiếp ... cả.

Bởi các ngài không còn hột giống sanh tử luân hồi để bắt buộc phải sanh lai tử biệt như mọi người khác nữa. Chính các ngài chỉ tịch tịnh Níp Bàn mà thôi vậy.